



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ
THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015
Kèm theo
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	03-05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06-07
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
· Bảng cân đối kế toán	08-11
· Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
· Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
· Thuyết minh Báo cáo tài chính	14-38

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009 và được đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 26 tháng 03 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 26/03/2015 là 68.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Sáu mươi tám tỷ đồng*) với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần tương đương 6.800.000 cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.

2. Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Lã Văn Quyến	Chủ tịch HĐQT (<i>Kể từ ngày 23/03/2015</i>)	(i)
- Ông Lã Văn Duyệt	Chủ tịch HĐQT (<i>Đến hết ngày 23/03/2015</i>)	(i)
- Bà Trịnh Thị Chung	Thành viên	
- Ông Đặng Đình Quang	Thành viên (<i>Đến hết ngày 23/03/2015</i>)	(i)
- Ông Nguyễn Văn Hiệp	Thành viên (<i>Kể từ ngày 23/03/2015</i>)	(i)
- Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên (<i>Kể từ ngày 23/03/2015</i>)	(i)
- Ông Lã Văn Châm	Thành viên (<i>Kể từ ngày 23/03/2015</i>)	(i)

(i) Theo Nghị quyết số 03/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Lã Văn Quyến	Giám đốc (<i>Kể từ ngày 23/03/2015</i>)	(ii)
- Ông Lã Văn Duyệt	Giám đốc (<i>Đến hết ngày 23/03/2015</i>)	(ii)
- Ông Tạ Quốc Toàn	Kế toán trưởng (<i>Kể từ ngày 23/03/2015</i>)	(ii)

(ii) Theo Nghị quyết số 03/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 10 tháng 01 năm 2016

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC



Lã Văn Quyên

Giám đốc

Số: 24/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành được lập ngày 10 tháng 01 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 38 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh

doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2015-242-1*

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Nguyễn Thị Huế", written over a horizontal line.

Nguyễn Thị Huế

Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2493-2015-242-1*

	00	
	G	
	M	
	N	
	21	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.122.261.281	44.953.439.208
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	4.521.461.323	176.877.521
1. Tiền	111		4.521.461.323	176.877.521
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.663.753.903	36.613.026.792
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	18.029.279.654	20.006.165.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4.1	18.640.843.281	11.411.596.520
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.4.2	6.300.000.000	5.176.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4.2	6.693.630.968	19.264.391
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.5	21.222.857.489	8.163.534.895
1. Hàng tồn kho	141		21.222.857.489	8.163.534.895
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		714.188.566	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	5.949.972	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		708.238.594	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.520.311.770	4.315.982.599
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		16.285.075.107	4.220.254.310
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	16.285.075.107	4.220.254.310
- Nguyên giá	222		19.841.113.634	5.107.750.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.556.038.527)	(887.496.142)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.6	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2	16.144.310.393	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.500.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.355.689.607)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		90.926.270	95.728.289
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	90.926.270	95.728.289
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		108.642.573.051	49.269.421.807

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.397.149.134	31.695.253.735
I. Nợ ngắn hạn	310		27.219.436.769	29.963.253.735
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.9.1	10.922.213.483	5.965.946.822
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.9.2	3.110.044.997	2.700.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.10	1.059.691.031	329.696.276
4. Phải trả người lao động	314		127.487.258	70.430.374
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.11	-	7.000.263
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.8	12.000.000.000	20.890.180.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.177.712.365	1.732.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.8	8.177.712.365	1.732.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.245.423.917	17.574.168.072
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.12	73.245.423.917	17.574.168.072
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		68.000.000.000	16.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		68.000.000.000	16.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		5.245.423.917	1.574.168.072
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.574.168.072	544.496.455
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.671.255.845	1.029.671.617
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		108.642.573.051	49.269.421.807

Hà Nam, ngày 10 tháng 01 năm 2016

Người lập



Tạ Quốc Toàn

Kế toán trưởng



Tạ Quốc Toàn

Giám đốc



Lê Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	88.789.123.287	42.416.603.644
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88.789.123.287	42.416.603.644
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	75.956.556.805	38.798.283.794
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.832.566.482	3.618.319.850
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	638.608.841	317.197.541
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	2.838.362.638	941.750.808
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.482.673.031	941.750.808
8. Chi phí bán hàng	25	VII.7	4.788.738.122	686.089.631
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	705.101.631	776.207.686
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.138.972.932	1.531.469.266
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VII.6	396.918.949	211.351.462
13. Lợi nhuận khác	40		(396.918.949)	(211.351.462)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.742.053.983	1.320.117.804
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	1.070.798.138	290.446.187
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.671.255.845	1.029.671.617
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		668	644
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Người lập



Tạ Quốc Toàn

Kế toán trưởng



Tạ Quốc Toàn

Hà Nam, ngày 10 tháng 01 năm 2016

Giám đốc



Lã Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	100.048.696.940	48.825.108.077
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(95.228.224.554)	(45.998.764.188)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.640.634.761)	(923.356.123)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.482.549.636)	(968.282.626)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(265.973.575)	(23.477.025)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.436.582.267	398.054.152
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.156.745.244)	(2.683.285.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.288.848.563)	(1.374.003.483)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.110.500.000)	(2.668.018.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	125.000.000	357.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.950.000.000)	(5.176.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.650.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(21.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	467.350.000	1.197.541
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.318.150.000)	(7.485.321.095)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	41.396.050.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.082.000.000	49.234.180.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(30.526.467.635)	(40.274.250.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	38.951.582.365	8.959.930.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.344.583.802	100.605.422
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	176.877.521	76.272.099
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.521.461.323	176.877.521

Hà Nam, ngày 10 tháng 01 năm 2016

Người lập



Tạ Quốc Toàn

Kế toán trưởng



Tạ Quốc Toàn

Giám đốc



Lã Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009 và được đăng ký thay đổi lần thứ thay đổi lần thứ 15 vào ngày 26 tháng 03 năm 2015

Trụ sở chính của Công ty tại phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 26/03/2015 là 68.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Sáu mươi tám tỷ đồng*) với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần tương đương 6.800.000 cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. *Chi tiết: Xây dựng công trình, hạng mục công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống.*
- Phá dỡ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. *Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi...)*
- Mua bán trang trí nội thất.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Đại lý môi giới đầu giá. *Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.*
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. *Chi tiết: Buôn bán sắt thép.*
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. *Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan.*
- Mua bán và chế biến than các loại.
- Khai thác than đá, cát, sỏi, đất sét.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05-25 năm |
| - Phương tiện vận tải | 01-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-10 năm |

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí thuê văn phòng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh bán hàng hóa: Cung cấp gạch, thép,.....

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nam do đó công ty không lập báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị : VND

1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.512.382.709	93.696.208
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.009.078.614	83.181.313
- Tiền gửi ngân hàng VND	2.009.078.614	83.181.313
Tiền VND NH TMCP Á Châu- CN Hà Nam	3.491.560	9.809.929
Tiền VND NH ĐT&PT Việt nam - CN Duy Tiên	67.670.939	1.049.325
Tiền VND NH TMCP Kỹ thương Việt Nam- CN Hưng Yên	9.645.526	928.049
Tiền VND NH Công thương- CN Hòa Mạc	208.290.801	1.089.903
Tiền VND NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Hà Nam	1.719.459.811	69.490.832
Tiền VND NH TMCP Sài Gòn Thường Tín	519.977	813.275
Tiền đang chuyển		
Cộng	4.521.461.323	176.877.521

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty liên doanh liên	17.500.000.000	16.144.310.393	(1.355.689.607)			
+ Công ty CP Sóng Hồng 12- tỷ lệ sở hữu 35%	17.500.000.000	16.144.310.393	(1.355.689.607)	-	-	-
Cộng	17.500.000.000	16.144.310.393	(1.355.689.607)			

3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	18.029.279.654	-	20.006.165.881	-
Phải thu khách hàng trong nước (chỉ tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	2.863.893.716	-	2.081.624.286	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Long Thành	1.660.909.916	-	1.414.778.286	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất TPC	1.202.983.800	-	666.846.000	-
Các khách hàng khác	15.165.385.938	-	17.924.541.595	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)

c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan

Tổng cộng	18.029.279.654	-	20.006.165.881	-
------------------	-----------------------	----------	-----------------------	----------

4.1 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần TM VLXD Hamico	7.597.784.757	-
- Công ty CP VNXD TM và Du lịch KTC	949.201.265	-
- Các công ty khác	10.093.857.259	11.411.596.520
Cộng	18.640.843.281	11.411.596.520

4.2 . PHẢI THU KHÁC VÀ PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	12.993.630.968	-	5.195.264.391	-
- Các khoản phải thu khác	6.693.630.968	-	19.264.391	-
+ Phải thu về lãi cho vay	193.630.968	-	19.264.391	-
+ Phải thu khác	-	-	-	-
+ Tạm ứng (*)	6.500.000.000	-	-	-
+ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	-	-
+ Phải trả, phải nộp khác (dư Nợ)	-	-	-	-
- Phải thu về cho vay (**)	6.300.000.000	-	5.176.000.000	-
Cộng	12.993.630.968	-	5.195.264.391	-

Chi tiết:

(*) Tạm ứng

- Bà Phạm Thị Hồng Chuyên

6.500.000.000

(**) Cho vay

- Ông Nguyễn Hữu Bằng

6.300.000.000

Cho ông Nguyễn Hữu Bằng vay theo Hợp đồng vay số 03/2015/HĐCV/LT ngày 30/11/2015 số tiền 6.300.000.000 VND, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 6%/năm.

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên vật liệu	406.668.803	-	2.396.251.228	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	2.444.948.296	-
Thành phẩm nhập kho	-	-	-	-
Hàng hóa	20.816.188.686	-	3.322.335.371	-
Cộng	21.222.857.489	-	8.163.534.895	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng	Đơn vị : VND
I. Nguyên giá							
Số dư đầu năm	350.640.908	-	4.757.109.544	-	-	5.107.750.452	
Tăng trong năm	1.989.000.000	15.205.000.000	-	-	45.000.000	17.239.000.000	
- <i>Mua trong năm</i>		5.555.000.000	-	-	-	5.555.000.000	
- <i>Đầu tư XD/CB hoàn thành</i>						-	
- <i>Tặng khác (*)</i>	1.989.000.000	9.650.000.000	-	-	45.000.000	11.684.000.000	
Giảm trong năm	1.989.000.000	-	516.636.818	-	-	2.505.636.818	
- <i>Chuyển sang BĐSĐT</i>						-	
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>			516.636.818			516.636.818	
- <i>Giảm khác (**)</i>	1.989.000.000					1.989.000.000	
Số dư cuối năm	350.640.908	15.205.000.000	4.240.472.726	-	45.000.000	19.841.113.634	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	144.622.055	-	742.874.087	-	-	887.496.142	
Tăng trong năm	243.363.664	2.133.460.964	578.946.644	-	17.298.387	2.973.069.659	
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	243.363.664	2.133.460.964	578.946.644		17.298.387	2.973.069.659	
- <i>Tặng khác</i>						-	
Giảm trong năm	173.235.484	-	131.291.790	-	-	304.527.274	
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>			131.291.790			131.291.790	
- <i>Giảm khác (**)</i>	173.235.484					173.235.484	
Số dư cuối năm	214.750.235	2.133.460.964	1.190.528.941	-	-	3.556.038.527	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	206.018.853	-	4.014.235.457	-	-	4.220.254.310	
2. Tại ngày cuối năm	135.890.673	13.071.539.036	3.049.943.785	-	45.000.000	16.285.075.107	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(*) Tăng khác do góp vốn bằng tài sản theo Nghị quyết số 03/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2015 thông qua việc góp vốn trong đó có góp vốn bằng tài sản và Nghị quyết số 04/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2015 thông qua cơ cấu góp vốn.

(**) Giảm khác do điều chỉnh phương án góp vốn theo Nghị quyết số 06/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/09/2015 thông qua việc điều chỉnh góp vốn bằng tiền thay thế cho góp vốn bằng tài sản.

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	5.949.972	-
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	5.949.972	-
b) Dài hạn	90.926.270	95.728.289
- Chi phí thuê văn phòng	-	-
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	90.926.270	95.728.289
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>96.876.242</u>	<u>95.728.289</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
 Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

8 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	Đơn vị : VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm		
a) Vay ngắn hạn	12.000.000.000	12.000.000.000	22.072.000.000	30.962.180.000	20.890.180.000	20.890.180.000
<i>Vay ngắn hạn VND</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>22.072.000.000</i>	<i>30.962.180.000</i>	<i>20.890.180.000</i>	<i>20.890.180.000</i>
<i>Ngân hàng NN &PTNT huyện Duy Tiên</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>19.700.000.000</i>	<i>15.700.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>4.537.000.000</i>	<i>4.537.000.000</i>	<i>4.537.000.000</i>
<i>Vay cá nhân</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>372.000.000</i>	<i>10.725.180.000</i>	<i>10.353.180.000</i>	<i>10.353.180.000</i>
b) Vay dài hạn	8.177.712.365	8.177.712.365	7.484.167.000	1.038.454.635	1.732.000.000	1.732.000.000
<i>Ngân hàng NN &PTNT huyện Duy Tiên</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu</i>	<i>7.456.167.000</i>	<i>7.456.167.000</i>	<i>7.484.167.000</i>	<i>378.000.000</i>	<i>350.000.000</i>	<i>350.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>132.000.000</i>	<i>132.000.000</i>	<i>132.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>721.545.365</i>	<i>721.545.365</i>	<i>-</i>	<i>328.454.635</i>	<i>1.050.000.000</i>	<i>1.050.000.000</i>
Cộng	20.177.712.365	20.177.712.365	29.556.167.000	32.000.634.635	22.622.180.000	22.622.180.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết

Vay ngắn hạn

- Hợp đồng tín dụng số 2903LAV-201502015 ngày 31 tháng 8 năm 2015 vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Duy Tiên, hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng, thời hạn vay không quá sáu tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.
- Hợp đồng tín dụng số HMN.DN.114.250315 ngày 03 tháng 7 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Á Châu, hạn mức tín dụng là 470.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả lãi và gốc theo từng kế ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động và các chi phí mua hàng trong nước khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, máy móc, tài sản trên đất, hàng hóa.
- Hợp đồng tín dụng số 382.210715 HNM.DN ngày 22 tháng 7 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Á Châu với hạn mức tín dụng là 1.530.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất và thời hạn trả nợ quy định rõ trong từng kế ước nhận nợ.

Vay dài hạn

- Hợp đồng tín dụng số HNM.DN.463210715 ngày 22 tháng 7 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Á Châu với hạn mức tín dụng 1.800.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất và thời hạn trả gốc và lãi theo từng kế ước nhận nợ.
- Hợp đồng tín dụng số HNM.DN.01190814 ngày 19 tháng 8 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Á Châu với hạn mức 245.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất và kỳ hạn trả nợ quy định trong từng kế ước nhận nợ, mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng tín dụng số HNM.DN.185.250315 ngày 27 tháng 3 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Á Châu với hạn mức là 500.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất và kỳ hạn trả nợ quy định trong từng kế ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng tín dụng số HNM.DN.555.261115 ngày 27 tháng 11 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Á Châu với hạn mức là 2.810.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất và kỳ hạn trả nợ quy định trong từng kế ước nhận nợ, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng tín dụng số HNM.DN.01121214 ngày 12 tháng 12 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Á Châu với hạn mức là 3.000.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất và kỳ hạn trả nợ quy định trong từng kế ước nhận nợ, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng tín dụng số HNM.DN.02040513 ngày 04 tháng 5 năm 2013 vay Ngân hàng TMCP Á Châu với hạn mức là 600.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất và kỳ hạn trả nợ quy định trong từng kế ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTĐ/NHCT384 ngày 11 tháng 11 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hà Nam với hạn mức là 1.500.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất và kỳ hạn trả nợ quy định trong từng kế ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

9.1 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	10.922.213.483	10.922.213.483	5.965.946.822	5.965.946.822
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	5.395.871.270	5.395.871.270	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

<i>Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long</i>	4.312.319.000	4.312.319.000	-	-
<i>Công ty TNHH Kim Thành</i>	1.083.552.270	1.083.552.270	-	-
<i>Công ty CP Sông Hồng 12</i>	2.488.062.501	2.488.062.501		
Các khoản phải trả người bán khác	3.038.279.712	3.038.279.712		
Cộng	10.922.213.483	10.922.213.483	5.965.946.822	5.965.946.822
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là bên liên quan	2.488.062.501	2.488.062.501	-	-
<i>Công ty CP Sông Hồng 12- công ty liên doanh,</i>	2.488.062.501	2.488.062.501	-	-
Cộng	2.488.062.501	2.488.062.501	-	-

9.2 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần TM VLXD Hamico	2.176.315.000	1.700.000.000
- Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng	-	1.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Hà Quang Minh	80.000.000	
- Công ty cổ phần xây dựng số 12	290.937.000	
- Các khách hàng khác	562.792.997	
Cộng	3.110.044.997	2.700.000.000

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp (chi tiết cho từng loại thuế)	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	74.829.808	8.890.275.952	8.965.105.760	-
- Thuế TNDN	254.866.468	1.070.798.138	265.973.575	1.059.691.031
- Thuế TNCN		-		
- Các loại thuế khác				
Cộng	329.696.276	9.961.074.090	9.231.079.335	1.059.691.031

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	-	1.829.691
- Bảo hiểm y tế	-	5.064.792
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	105.780
Cộng	-	7.000.263

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị : VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	16.000.000.000			544.496.455	544.496.455	16.544.496.455
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước					1.029.671.617	1.029.671.617
Tăng khác		-				-
Giảm vốn trong năm trước						-
Phân phối lợi nhuận						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác						-
Số dư đầu năm nay	16.000.000.000	-	-	1.574.168.072	1.574.168.072	17.574.168.072
Tăng vốn trong năm nay	52.000.000.000					52.000.000.000
Lãi trong năm nay					3.671.255.845	3.671.255.845
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm nay						-
Lỗ trong năm nay						-
Giảm khác (*)						-
Số dư cuối năm nay	68.000.000.000	-	-	5.245.423.917	5.245.423.917	73.245.423.917

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	68.000.000.000	16.000.000.000
Cộng		68.000.000.000	16.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	16.000.000.000	16.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm (i)	52.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	68.000.000.000	16.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

(i) Trong năm Công ty tăng vốn bằng tiền là 41.396.050.000 VND, bằng tài sản là 10.603.950.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần 1 số 03/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 3 năm 2015, Nghị quyết số 04/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2015 và Nghị quyết số 06/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 9 năm 2015.

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.800.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.800.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.800.000	1.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.800.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.800.000	1.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.671.255.845	1.029.671.617
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	5.500.000	1.598.869
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	668	644

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	73.673.656.598	40.047.555.491
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.115.466.689	2.369.048.153
Cộng	88.789.123.287	42.416.603.644

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng đã bán	67.783.236.461	36.500.157.689
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.173.320.344	2.298.126.105
Cộng	75.956.556.805	38.798.283.794

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	638.608.841	317.197.541
Cộng	638.608.841	317.197.541

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.482.673.031	941.750.808
Chi phí tài chính khác	1.355.689.607	-
Cộng	2.838.362.638	941.750.808

6 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí khác	396.918.949	211.351.462
- Các khoản phạt thuế (*)	125.210.285	92.135
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý (Sau khi đã bù trừ thu nhập khác từ thanh lý tài sản)	271.708.664	183.083.313
+ <i>Giá trị còn lại của tài sản và chi phí thanh lý tài sản</i>	385.345.028	508.083.313
+ <i>Thu nhập từ thanh lý nhượng bán tài sản</i>	113.636.364	325.000.000
- Chi phí khác	-	28.176.014
Cộng	396.918.949	211.351.462

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	705.101.631	776.207.686
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	646.519.522	760.773.077
+ Chi phí nhân công	247.471.154	326.000.000
+ Chi phí khấu hao	399.048.368	434.773.077
- Các khoản chi phí QLDN khác	58.582.109	15.434.609
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ:	4.788.738.122	686.089.631
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	5.111.137.506	666.346.977
+ Chi phí nhân công	1.489.469.230	515.341.882
+ Chi phí xăng dầu	1.047.646.985	80.876.914
+ Chi phí khấu hao	2.574.021.291	70.128.181
- Các khoản chi phí bán hàng khác	(322.399.384)	19.742.654
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
Cộng	5.493.839.753	1.462.297.317

8 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.742.053.983	1.320.117.804
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	125.210.285	92.135
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Số lỗ được chuyển từ các năm trước		
Tổng thu nhập chịu thuế	4.867.264.268	1.320.209.939
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.070.798.138	290.446.187

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	1.736.940.384	841.341.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.973.069.659	504.901.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.153.355.465	26.277.263
Chi phí bằng tiền khác	1.464.167.118	89.776.914
Cộng	7.327.532.626	1.462.297.317

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**IX. Những thông tin khác****1 . NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC****2 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Vận tải	Thép	Gạch	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	15.115.466.689	15.479.113.520	46.043.127.778	12.151.415.300	88.789.123.287
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Giá vốn	8.173.320.344	15.371.227.038	40.515.144.080	11.896.865.343	75.956.556.805
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.115.466.689	15.479.113.520	46.043.127.778	12.151.415.300	88.789.123.287
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.942.146.345	107.886.482	5.527.983.698	254.549.957	12.832.566.482
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					5.493.839.753
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					7.338.726.729
Doanh thu hoạt động tài chính					638.608.841
Chi phí tài chính					2.838.362.638
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					396.918.949
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.070.798.138
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					3.671.255.845
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					3.055.832.136
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Năm trước

CHỈ TIÊU	Vận tải	Thép	Gạch	Khác	Đơn vị: VND	
					TỔNG CỘNG	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.369.048.153	8.258.073.750	29.056.809.888	2.732.671.853	42.416.603.644	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	
Giá vốn	2.298.126.105	8.185.281.397	25.743.386.073	2.571.490.219	38.798.283.794	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.369.048.153	8.258.073.750	29.056.809.888	2.732.671.853	42.416.603.644	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.922.048	72.792.353	3.313.423.815	161.181.634	3.618.319.850	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					1.462.297.317	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					2.156.022.533	
Doanh thu hoạt động tài chính					317.197.541	
Chi phí tài chính					941.750.808	
Thu nhập khác					-	
Chi phí khác					211.351.462	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					290.446.187	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					1.029.671.617	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài						
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					504.901.258	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Vận tải	Thép	Gạch	Khác	TỔNG CỘNG
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.855.705.122	10.092.812.980	30.021.401.231	7.923.061.092	57.892.980.424
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					50.749.592.627
Tổng tài sản					108.642.573.051
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	529.454.282	542.191.856	1.612.767.351	425.631.507	3.110.044.997
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					32.287.104.137
Tổng nợ phải trả					35.397.149.134
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.210.690.890	7.706.068.947	27.114.529.025	2.550.008.434	39.581.297.296
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					9.688.124.511
Tổng tài sản					49.269.421.807
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.754.741.907	6.116.713.190	21.522.231.173	2.024.076.131	31.417.762.401
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					2.952.367.964
Tổng nợ phải trả					31.695.253.735

Đơn vị : VND

3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý
Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	2.009.078.614	83.181.313
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	16.144.310.393	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.722.910.622	20.025.430.272
Cộng	42.876.299.629	20.108.611.585

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối năm				
Các khoản vay	12.000.000.000	8.177.712.365		20.177.712.365
Phải trả người bán	10.922.213.483			10.922.213.483
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	-	-		-
Số đầu năm				
Các khoản vay	20.890.180.000	1.732.000.000		22.622.180.000
Phải trả người bán	5.965.946.822			5.965.946.822
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	7.000.263	-		7.000.263

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.5 Giá trị hợp lý

Đơn vị : VND

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	4.521.461.323	4.521.461.323	176.877.521	176.877.521
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.722.910.622	(*)	20.025.430.272	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	16.144.310.393	(*)	-	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	17.500.000.000	(*)	-	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)	(20.890.180.000)	(20.890.180.000)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(10.922.213.483)	(10.922.213.483)	(5.965.946.822)	(5.965.946.822)
- Vay dài hạn	(8.177.712.365)	(8.177.712.365)	(1.732.000.000)	(1.732.000.000)
	31.788.756.490	(*)	(8.385.819.029)	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngân hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngân hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan và số dư tại ngày 31/12/2015 như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch	Số dư cuối năm (VND)
Công ty Cổ phần Sông Hồng 12	công ty liên doanh, liên kết	Mua hàng	2.861.918.199	2.488.062.501
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	Góp vốn	13.000.000.000	17.000.000.000
Ông Lã Văn Quyến	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Góp vốn	5.200.000.000	6.800.000.000
Ông Lã Văn Châm	Thành viên HĐQT	Góp vốn	5.200.000.000	6.800.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Thành viên HĐQT	Góp vốn	13.000.000.000	17.000.000.000
Bà Trịnh Thị Chung	Thành viên HĐQT	Góp vốn	15.600.000.000	20.400.000.000

b). Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Ban Giám đốc, kế toán trưởng:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Lã Văn Quyến	Giám đốc	86.545.087
Ông Tạ Quốc Toàn	Kế toán trưởng	72.000.000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành đã được kiểm toán và phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các chỉ tiêu thay đổi do phân loại lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính như sau:

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Số đầu năm trên báo cáo tài chính năm 2015	Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014
A. Tài			
II. Đầu tư tài chính ngắn	120	-	5.176.000.000
III. Các khoản phải thu	130	36.613.026.792	31.437.026.792

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 10 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Tạ Quốc Toàn

Tạ Quốc Toàn

Lã Văn Quyến